

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10/2023/DS-ST

Ngày: 07-03-2023

V/v Tranh chấp về hui.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Ngọc Thương;

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 381/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐ-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1959, địa chỉ: thôn 7, xã LS, thành phố VT, tỉnh BR - VT.

Bị đơn: Bà Cái Hồng T, sinh năm 1985, địa chỉ: thôn 1, xã LS, thành phố VT, tỉnh BR - VT.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1955, địa chỉ: thôn 7, xã LS, thành phố VT, tỉnh BR - VT.

(Các đương sự vắng mặt: nguyên đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt; bị đơn không có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Bà có tham gia chơi 05 dây hui do bà Cái Thị Hồng T (Cái Hồng T) làm chủ hui, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất mở ngày 15-11-2018, mỗi phần hội là 2.000.000đồng/tháng (kì). Bà chơi 02 phần, bà đã đóng được 22 kì với số tiền thực đóng là 70.400.000đồng.

Dây hội thứ hai mở ngày 15-12-2019, mỗi phần hội là 2.000.000đồng/tháng (kì). Bà chơi 04 phần. Bà đã đóng được 09 kì với số tiền thực đóng là 57.600.000đồng.

Dây hội thứ ba mở ngày 15-12-2019, mỗi phần hội là 2.000.000đồng/tháng (kì), bà chơi 01 phần. Bà đã đóng được 09 kì với số tiền thực đóng là 14.400.000đồng.

Dây hội thứ tư mở ngày 15-12-2019, mỗi phần hội là 2.000.000đồng/tháng (kì). Bà chơi 02 phần. Bà đã đóng được 09 kì với số tiền thực đóng là 28.800.000đồng.

Dây hội thứ năm mở ngày 01-02-2020, mỗi phần hội là 3.000.000đồng/tháng (kì), bà chơi 02 phần. Bà đã đóng được 08 kì với số tiền thực đóng là 38.400.000đồng.

Tổng số tiền bà đã đóng hội cho bà T là 209.600.000đồng. Bà T đã trả cho bà nhiều lần với tổng số tiền là 45.600.000đồng. Số tiền hội bà T chưa trả cho bà 164.000.000đồng. Bà nhiều lần yêu cầu bà T hoàn trả số tiền hội bà T còn thiếu nhưng bà T không thực hiện. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà số tiền hội còn thiếu nói trên.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Cái Hồng T trình bày:

Bà thừa nhận bà D có tham gia chơi 05 dây hội do bà làm chủ, bà D đã đóng hội cho bà với tổng số tiền là 209.600.000đồng, bà đã trả cho bà D số tiền 45.600.000đồng và còn nợ lại 164.000.000đồng như bà D trình bày. Trước yêu cầu khởi kiện của bà D, bà xác nhận còn nợ tiền hội của bà D số tiền như trên và bà đồng ý trả nợ cho bà D với phương thức trả nợ sẽ được thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T1 trình bày:

Ông là chồng bà D, việc bà D tham gia chơi hội do bà T làm chủ là vấn đề cá nhân giữa bà D với bà T và tiền chơi hội là tiền riêng của bà D. Ông đồng ý với tất cả các ý kiến trình bày, yêu cầu khởi kiện của bà D và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải theo quy định, nhưng hòa giải không thành do bị đơn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Lê Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T1 vắng mặt, có đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày ở giai đoạn trước khi xét xử và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn bà Cái Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Dại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và tiến hành các thủ tục tố tụng đạt đối với các đương sự theo đúng quy định nhưng các đương sự vắng mặt; nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có đơn, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Lê Thị D khởi kiện yêu cầu bà Cái Hồng T trả nợ tiền hui nên xác định đây là tranh chấp về hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà T có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt; trong đó nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu trả nợ tiền hui của nguyên đơn thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà D và bị đơn bà T cùng thống nhất thừa nhận bà D tham gia chơi hui do bà T làm chủ. Bà D đã đóng hui cho bà T tổng số tiền là 209.600.000đồng. Bà T đã trả cho bà D với tổng số tiền là 45.600.000đồng. Số tiền hui bà T chưa trả cho bà D là 164.000.000đồng. Sự thừa nhận này của bà T được Tòa án ghi nhận trong buổi làm việc với bà T tại địa phương nơi bà T sinh sống, có sự chứng kiến của cán bộ địa phương. Tuy bà T không ký vào biên bản làm việc nhưng bà ký xác nhận số tiền nợ hui vào sổ hui của bà D. Vì vậy, đây là tình tiết,

chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, ông T1 chồng bà D cũng xác nhận bà D đã dùng tiền cá nhân của mình để chơi hụi với bà T. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này, đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà T đồng ý trả nợ tiền hụi còn thiếu cho bà D nhưng do bà T vắng mặt trong tất cả các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử tại Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các bên. Do đó, căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biếu, phường; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà T có trách nhiệm trả cho bà D số tiền hụi còn nợ là 164.000.000đồng.

Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi còn nợ và không yêu cầu gì khác. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định không có yêu cầu gì trong vụ án. Do đó, căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đồng nhất với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Cái Hồng T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị D số tiền 164.000.000đồng nên phải chịu 8.200.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 ; Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biếu, phường;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D.

2. Buộc bà Cái Hồng T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị D số tiền 164.000.000đồng (*một trăm sáu mươi bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Cái Hồng T phải chịu 8.200.000 đồng (*tám triệu hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trà My